CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TOÀN CẦU

Địa chỉ : 1 Sáng Tạo - Phường Tân Thuận - TP.HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 04 năm 2025 đến ngày 30 tháng 06 năm 2025 (Quý 1 năm tài chính 2025) **Đơn vị tính: VNĐ**

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn:

- Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301446863 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ hai mươi mốt ngày 29 tháng 06 năm 2023.

- Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 1 Đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tại thời điểm 30/06/2025 Cty có các Công ty con như sau:

Tên công ty	Hoạt động chính	% Sở hữu	% quyền biểu quyết
Công ty TNHH Global-Sitem	*Xuất nhập khẩu, nhập khẩu và phân phối bán buôn các loại máy điều hoà không khí, gồm có một quạt chạy bằng môtơ và các bộ phận làm thay đổi nhiệt độ và độ ẩm kể cả các loại máy không điều chỉnh độ ẩm một cách riêng biệt, máy làm lạnh, máy làm đá và thiết bị làm lạnh hoặc đông lạnh khác…*	63.75%	63.75%
Công ty CP IN NO	*Bán buôn máy móc, sx mô tơ, linh kiện điện tử, LĐ máy móc thiết bị công nghiệp, xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan. SX thiết bị truyền thông, pin, ắc quy, phần mềm.*	99.96%	99.96%

2. Lĩnh vực kinh doanh:

+ **Tư vấn và thiết kế**: cung cấp các giải pháp kỹ thuật, công nghệ và tích hợp hệ thống trọn gói trong các lĩnh vực chống sét, nguồn ổn định và liên tục, trung tâm dữ liệu và trạm BTS.

+ **Đầu tư:** đầu tư hạ tầng cơ sở các trạm viễn thông trên phạm vi cả nước.

+ **Thương mại**: cung cấp thiết bị chống sét trực tiếp và lan truyền, các thiết bị lưu điện UPS, thiết bị chỉnh lưu, thiết bị nghịch lưu, hệ thống điều hòa không khí chính xác, hệ thống chiếu sáng công nghiệp.

+ **Sản xuất**: sản xuất các thiết bị chống sét trên đường nguồn, các thiết bị chống sét trên đường tín hiệu, các thiết bị chống sét trên đường viễn thông, thiết bị chống sét trên mạng máy tính với chất lượng tương đương với các thiết bị ngoại nhập và giá thành hợp lý.

+ **Dịch vụ**: sửa chữa, bảo trì các thiết bị lưu điện UPS, thiết bị chỉnh lưu, thiết bị nghịch lưu, ứng cứu nguồn với chất lượng phục vụ chuyên nghiệp

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Mua bán thiết bị điện, điện tử, thiết bị chống sét. Mua bán thiết bị phòng cháy, chữa cháy; thiết bị chống trộm, kiểm tra, bảo vệ, an ninh, an toàn; camera quan sát, thiết bị chiếu sáng, thiết bị điện lạnh, thiết bị điều khiển, thiết bị tự động trong công nghiệp và dân dụng;
- Tư vấn, cung cấp, lắp đặt các giải pháp về trung tâm dữ liệu, thông tin. Tư vấn giải pháp về tiết kiệm năng lượng. Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình. Thiết kế phòng cháy chữa cháy công trình dân dụng và công nghiệp. Lập dự án đầu tư xây dựng công trình. Lập dự toán và tổng dự toán công trình;

- Mua bán thiết bị điện, máy phát điện, máy móc, phụ tùng, thiết bị chế biến gỗ, biến thế điện, máy biến đổi điện tĩnh, pin, ắc quy điện, bộ chỉnh lưu, bộ nguồn cấp điện liên tục UPS, thiết bị điện để đóng ngắt mạch - bảo vệ mạch điện, thiết bị giảm điện trở đất, thiết bị hàn hóa nhiệt, khuôn, các loại máy đo - kiểm tra, dụng cụ hàn hóa chất các loại, thiết bị y tế - phòng thí nghiệm - phòng nghiên cứu, máy móc - thiết bị kỹ thuật công nghệ ngành dầu khí, trang thiết bị dạy học. Bán buôn máy móc, thiết bị sản xuất năng lượng được khai thác từ năng lượng sạch (gió, mặt trời, địa nhiệt, nước, sinh khối) và các nguồn năng lượng tái tạo khác;

- Lắp đặt máy móc, thiết bị sử dụng năng lượng được khai thác từ năng lượng sạch (gió, mặt trời, địa nhiệt, nước, sinh khối) và các nguồn năng lượng tái tạo khác;

- Sản xuất và lắp ráp thiết bị phân phối, điều khiển trung thế và hạ thế từ 35KV trở xuống (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). Nghiên cứu chế tạo, sản xuất accu điện, bộ nguồn cấp điện liên tục UPS (không hoạt động tại trụ sở);

Người ký: NGUYỄN HỮU DŨNG
Ký ngày: 23-07-2025 08:57:43

- Nghiên cứu chế tạo, sản xuất, lắp ráp thiết bị chống sét, thiết bị điện, điện tử; sản xuất thiết bị cho phòng thí nghiệm, xử lý môi trường (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). Sản xuất sản phẩm tiết kiệm năng lượng (không hoạt động tại trụ sở);

- Sản xuất điện; phân phối điện; xây dựng công trình điện;

- Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc; xây dựng công trình công ích khác; xây dựng dân dụng, công nghiệp. Xây lắp trạm và đường dây trung thế, hạ thế từ 35KV trở xuống. Xây dựng giao thông, thủy lợi (trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia và quản lý lưới điện phân phối, thủy điện đa mục tiêu, điện hạt nhân). Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật;

- Lắp đặt hệ thống điện; lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí; lắp đặt hệ thống xây dựng khác; hoàn thiện công trình xây dựng; mua bán thiết bị tin học, phần mềm, máy in, máy tính;

- Đại lý cung cấp dịch vụ Internet; sản xuất phần mềm tin học; xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan;

- Dịch vụ cho thuê văn phòng, mặt bằng, kho bãi. Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê;

- Cho thuê thiết bị viễn thông, thiết bị điện, nhà, cột ăng ten, hệ thống điện, hệ thống chiếu sáng, hệ thống tiếp đất, hệ thống cảnh báo ngoài trời, điều hòa không khí, ổn áp, máy phát điện dự phòng, máy hạ áp. Cho thuê nồi hơi.

4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:

5. Nhân sự:

- Tổng số công nhân viên 78 người.

+ Trong đó nhân viên quản lý 11 người.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán:

- Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/04 năm trước và kết thúc vào ngày 31/03 năm sau.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

- Đồng Việt Nam được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng:

- Công ty áp dụng hệ thống kế toán Việt Nam được Bộ Tài Chính ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

- Các báo cáo tài chính đã được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:

+ Là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hay đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

- Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán.

+ Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh.

+ Vào ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản mục tiền, phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá ngân hàng tại ngày.....tỷ giá VNĐ/USD. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh.

2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho:

- Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

3. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm.
  - + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định:

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Máy móc và thiết bị	2 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 – 6

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Bất động sản đầu tư:

Bất động sản đầu tư là cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư là 6 năm đối với trạm trụ và 5 năm đối với trạm ghép.

6. Kế toán các khoản đầu tư tài chính:

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào Công ty con và Công ty liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác:

- Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn.

- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước tuân thủ theo nguyên tắc:

+Theo thời gian hữu dụng xác định:Phương pháp này áp dụng cho các khoản tiền thuê,tiền thuế nhà đất trả trước.

+Theo thời gian hữu dụng quy ước: Phương pháp này áp dụng cho các khoản chi phí quảng cáo, công cụ, dụng cụ, chi phí khuôn hàng phân bổ không quá hai năm

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong k

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng bảo hành công trình được trích lập theo tỷ lệ 1% giá trị công trình, dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa được trích lập theo tỷ lệ 0,35% giá trị sản phẩm hàng hóa. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên dữ liệu chi phí bảo hành trong những năm trước và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về thời gian và chi phí bảo hành thực tế.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

- Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu;

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch đánh giá lại tài sản;

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch chênh lệch tỷ giá;

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Chi phí tài chính bao gồm chi phí đi vay ngắn hạn ngân hàng và các đối tượng khác phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Lãi suất áp dụng cho các đối tượng vay khác theo thỏa thuận nhưng không vượt quá 150% lãi suất cho vay của ngân hàng. Chi phí đi vay được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Tiền mặt	307,407,937	573,098,050
b) Tiền gửi ngân hàng	15,525,179,269	2,297,973,280
c) Các khoản tương đương tiền	65,000,000	65,000,000
Tổng cộng	**15,897,587,206**	**2,936,071,330**

02. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Chứng khoán kinh doanh		
b) Đầu tư ngắn hạn khác	4,645,000,000	4,295,000,000
- tiền gửi có Kỳ hạn tại ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng	4,645,000,000	4,295,000,000
c) Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		-
Tổng cộng	**4,645,000,000**	**4,295,000,000**

03. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Phải thu các khách hàng khác	114,213,363,469	251,782,599,088
+ TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - VIỄN THÔNG QUÂN ĐỘI (VIETTEL GROU	*92,530,194,188*	*220,298,528,696*

+ TỔNG CÔNG TY MẠNG LƯỚI VIETTEL - CHI NHÁNH TẬP ĐOÀN CÔNG	*241,093,336*	*6,785,208,676*
+ CÔNG TY CỔ PHẦN HAWEE CƠ ĐIỆN	*6,845,352,150*	*6,600,310,950*
+ MOVITEL, S.A	*5,404,052,544*	*5,404,052,544*
+ TRUNG TÂM MẠNG LƯỚI MOBIFONE MIỀN NAM-CHI NHÁNH TỔNG C	*972,013,120*	*2,994,412,800*
+ Các khách hàng khác	*8,220,658,131*	*9,700,085,422*
- Phải thu khác các bên liên quan	14,735,916,784	27,722,164,450
+ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ GIẢI PHÁP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG	-	*124,331,780*
+ Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong	-	*17,491,771*
+ Công Ty CP Công Nghệ Tự Động Tân Tiến	*14,735,916,784*	*27,580,340,899*
Tổng cộng	**128,949,280,253**	**279,504,763,538**

03A. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Trả trước cho nhà cung cấp khác	30,799,771,388	27,411,843,483
+ Công ty cổ phần đầu tư xây dựng sản xuất thương mại Tấn Dũng	-	*5,948,268,950*
+ CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TÍCH HỢP SAO NAM	*18,447,998,940*	*18,447,998,940*
+ Hoffman Schroff Pte. Ltd	*8,371,042,727*	-
+ Các nhà cung cấp khác	*3,980,729,721*	*3,015,575,593*
Tổng cộng	**30,799,771,388**	**27,411,843,483**

04. Hàng tồn kho

		Số cuối kỳ	Số đầu năm
a)	Nguyên liệu, vật liệu	2,643,542,691	2,653,201,786
b)	Hàng đi đường	0	-
c)	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	18,883,479,714	13,552,642,217
	- chi phí của Các công trình dở dang	2,797,378,316	2,490,218,502
	- chi phí sản xuất dở dang	-	-
	- chi phí vận chuyển lắp đặt	16,086,101,398	11,062,423,715
	- chi phí hàng gửi bảo hành		
d)	Hàng hoá, thành phẩm	14,256,617,656	12,446,004,100
e)	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(5,523,329,466)	(5,523,329,466)
	Tổng cộng	**30,260,310,595**	**23,128,518,637**

05. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Ký quỹ bảo lãnh tại ngân hàng	-	-
- Ký quỹ đặt cọc khác	9,000,000	19,000,000
- Tạm ứng	805,265,700	2,070,853,270
- Phải thu khác	57,838,636	76,975,832
+ Lãi tiền gửi và lãi cho vay dự thu	*560,959*	*21,764,795*
+ Các khoản phải thu ngắn hạn khác	*57,277,677*	*55,211,037*
Tổng cộng	**872,104,336**	**2,166,829,102**

06. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

*** Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Nhà cửa	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐHH					
- Số dư tại 31/03/2025	295,284,760	28,830,850,498	2,836,686,364	139,106,240	32,101,927,862
+ Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
+ Chuyển sang XDCB,CCDC		-			-
+ Thanh lý, nhượng bán	-		-	-	-
- Số dư tại 30/06/2025	295,284,760	28,830,850,498	2,836,686,364	139,106,240	32,101,927,862

Giá trị hao mòn lũy kế					
- Số dư tại 31/03/2025	196,571,007	7,227,863,095	1,554,003,328	139,106,240	9,117,543,670
+ Khấu hao trong kỳ	13,426,206	616,960,407	142,111,935	-	772,498,548
+ Chuyển sang XDCB,CCDC		-			-
+ Thanh lý, nhượng bán	-		-	-	-
- Số dư tại 30/06/2025	209,997,213	7,844,823,502	1,696,115,263	139,106,240	9,890,042,218
Giá trị còn lại của TSCĐHH					
- Số dư tại 31/03/2025	98,713,753	21,602,987,403	1,282,683,036	-	22,984,384,192
- Số dư tại 30/06/2025	**85,287,547**	**20,986,026,996**	**1,140,571,101**	**-**	**22,211,885,644**

*** Tài sản cố định vô hình**	**Số cuối kỳ**	**Số đầu năm**
-Nguyên giá tài sản cố định vô hình	668,135,000	668,135,000
-Giá trị hao mòn lũy kế	344,224,396	318,205,942
-Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình	323,910,604	349,929,058

08. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	**Số đầu năm**
Phải trả các nhà cung cấp khác	*20,108,148,886*	*24,217,326,930*
- Công Ty CP Vietstar Meiden	-	3,499,846,999
- CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT NGÀY MỚI	869,179,199	1,654,539,156
- Công ty cổ phần đầu tư xây dựng sản xuất thương mại Tấn Dũng	9,383,503,791	-
- Công ty TNHH thiết bị điện Đỗ Gia	746,844,231	2,443,439,282
- ERICO PRODUCTS AUSTRALIA PTY LTD	942,247,444	3,500,942,991
- Các nhà cung cấp khác	8,166,374,221	13,118,558,502
Phải trả các bên liên quan	*16,950,527,704*	*30,335,424,046*
- Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong	382,800,597	360,930,984
- CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ GIẢI PHÁP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG	71,157,143	71,742,493
- Công Ty Cổ Phần Công Nghệ Tự Động Tân Tiến	16,496,569,964	29,902,750,569
Tổng cộng	**37,058,676,590**	**54,552,750,976**

08A. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	**Số đầu năm**
Các khách hàng khác trả tiền trước	*10,059,507,842*	*9,888,020,833*
- BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ODA - ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG	6,394,466,522	8,961,213,580
- Các khách hàng khác	3,665,041,320	926,807,253
Tổng cộng	**10,059,507,842**	**9,888,020,833**

09. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	**Số đầu năm**
a) Vay ngắn hạn	15,831,030,155	109,966,214,385
- vay ngân hàng	11,421,030,155	104,916,214,385
- vay đối tượng khác	4,410,000,000	5,050,000,000
b) Nợ ngắn hạn	-	-
Tổng cộng	**15,831,030,155**	**109,966,214,385**

10. Thuế và các khoản phải trả Nhà nước:

	Số cuối kỳ	**Số đầu năm**
- thuế GTGT	-	2,183,388,304
- thuế xuất nhập khẩu	-	-

- thuế xuất giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-
- thuế thu nhập doanh nghiệp	-	4,504,271,307
- thuế thu nhập cá nhân	431,527,806	260,623,350
- thuế khác	-	-
Tổng cộng	**431,527,806**	**6,948,282,961**

11. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Trích trước chi phí nhân công,vận chuyển lắp đặt	167,076,625	601,291,066
- Trích trước giá vốn hàng hoá	-	2,833,071,950
- Trích trước chi phí lãi vay	60,616,439	206,566,328
Tổng cộng	**227,693,064**	**3,640,929,344**

12. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	81,006,000	-
- Các khoản phải trả bên liên quan	-	-
+ Công ty CP CN Tiên Phong - Quỹ Phúc lợi	-	340,874,000
- Phải trả cá nhân khác	1,178,731,228	1,288,394,256
- Cổ tức lợi nhuận phải trả	134,140,225	133,944,225
Tổng cộng	**1,393,877,453**	**1,763,212,481**

13. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn	Cổ phiếu quỹ	Quỹ ĐTPT	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu kỳ này	**104,560,920,000**	**6,083,358,132**	**(23,491,795,357)**	**-**	**63,020,916,458**	**150,173,399,233**
Tăng	**-**	**-**	**-**	**-**	**6,208,668**	**6,208,668**
- Lợi nhuận trong Kỳ	-	-	-	-	6,208,668	6,208,668
- Mua lại cổ phiếu	-	-	-	-	-	-
Giảm	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**
- Chi cổ tức	-	-	-	-	-	-
- Trích quỹ KTPL	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ này	**104,560,920,000**	**6,083,358,132**	**(23,491,795,357)**	**0**	**63,027,125,126**	**150,179,607,901**
	-	-	-	-	(0)	

b) Cổ phiếu

	30/06/2025	31/03/2025
- Số lượng cổ phiếu đã đăng ký phát hành	10,456,092	10,456,092
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10,456,092	10,456,092
+ Cổ phiếu phổ thông	10,456,092	10,456,092
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	(1,129,350)	(1,129,350)
+ Cổ phiếu phổ thông	(1,129,350)	(1,129,350)
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9,326,742	9,326,742
+ Cổ phiếu phổ thông	9,326,742	9,326,742
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10,000	10,000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý 1/2025	Quý 1/2024

Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	***30,995,184,729***	***22,182,883,284***
- Doanh thu kinh doanh sản phẩm, tích hợp	30,995,184,729	22,182,883,284
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
- Hàng bán bị trả lại	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	***30,995,184,729***	***22,182,883,284***

2 Giá vốn hàng bán

	Quý 1/2025	Quý 1/2024
- Giá vốn kinh doanh sản phẩm, tích hợp	23,728,475,183	17,994,425,492
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
Tổng cộng	**23,728,475,183**	**17,994,425,492**

3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 1/2025	Quý 1/2024
- Lãi từ đầu tư vốn		
- Lãi tiền gửi có kỳ hạn	37,730,719	485,135,412
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
- Lãi tiền gửi không kỳ hạn	1,388,557	1,203,074
- Lãi tiền cho vay	-	246,575
+ Lãi tiền cho vay - khác	1,795,891	-
+ Lãi tiền cho vay - Công ty CP CN Tiên Phong	-	243,616,439
- Lãi chênh lệch tỷ giá	165,178,086	49,371,851
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	102,281,216
Tổng cộng	**206,093,253**	**881,607,992**

4 Chi phí tài chính

	Quý 1/2025	Quý 1/2024
- Chi phí lãi vay	954,593,282	14,561,644
- Chênh lệch tỷ giá	387,111,489	101,107,039
- Chi phí tài chính khác	-	
Tổng cộng	**1,341,704,771**	**115,668,683**

VII. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Cơ điện Thạch Anh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Tiên Phong	Công ty cùng Tập đoàn
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ GIẢI PHÁP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Innovative Software Development	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tư vấn và Phát triển Phần mềm Larion	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phần mềm Bestarion	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Intelnet	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Global - Sitem	Công ty con
Công ty Cổ phần In No	Công ty con

Công ty có các giao dịch phát sinh trong kỳ kế toán với các bên liên quan như sau: (riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại thuyết minh số V.09 .)

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Quý 1/2025	Quý 1/2024
	VND	VND
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	**11,399,005**	**188,526,149**
Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong	11,399,005	188,526,149
Doanh thu tài chính	**-**	**243,616,439**
Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong	-	243,616,439
Mua hàng hóa, dịch vụ	**1,515,989,622**	**1,018,862,041**
Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong	850,448,011	954,942,687
Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	600,199,700	63,919,354
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ GIẢI PHÁP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG	65,341,911	-
Chi phí lãi vay	**10,849,315**	**-**
Công Ty TNHH MTV Innovative Software Development	10,849,315	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt	Chức vụ	Quý 1/2025	Quý 1/2024
		VND	VND
Ông Nguyễn Ngọc Trung	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 03/07/2024)	24,500,000	
Ông Nguyễn Vĩnh Thuận	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 02/07/2024)	-	18,600,000
Ông Lâm Thiếu Quân	Thành viên HĐQT	18,500,000	12,600,000
Ông Nguyễn Hữu Dũng	Thành viên HĐQT kiêm TGĐ	430,562,000	203,340,000
Ông Mai Tuấn Tú	Thành viên HĐQT	21,500,000	15,300,000
Bà Doãn Thị Bích Ngọc	Thành viên HĐQT	18,000,000	12,600,000
Bà Đỗ Thị Thu Hà	Trưởng ban kiểm soát	18,500,000	12,600,000
Bà Cao Mỹ Phương	Thành viên ban kiểm soát	12,500,000	8,100,000
Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết	Thành viên ban kiểm soát	12,500,000	8,100,000
Bà Nguyễn Hương Giang	Giám đốc điều hành	332,025,000	200,623,256
Ông Nguyễn Ngọc Duy	Giám đốc kinh doanh	210,000,000	-
Ông Trần Quốc Sang	Giám đốc dự án (Miễn nhiệm ngày 6/5/2025)	104,404,545	-
Bà Mai Ngọc Phượng	Kế toán trưởng	242,520,000	169,830,144

Ngày 18 tháng 07 năm 2025

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng giám đốc
KHƯU THANH SÁNG	MAI NGỌC PHƯỢNG	NGUYỄN HỮU DŨNG

CÔNG TY : CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TOÀN CẦU
Địa chỉ : Số 1 Sáng Tạo, P.Tân Thuận, HCM
Tel: .08.37701055 Fax: 08.37701056

DN - BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT - QUÝ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A-Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)	*100*		*210 336 589 047*	*336 251 954 623*
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		15 897 587 206	2 936 071 330
1. Tiền	111	V.01	15 832 587 206	2 871 071 330
2. Các khoản tương đương tiền	112		65 000 000	65 000 000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	4 645 000 000	4 295 000 000
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		4 645 000 000	4 295 000 000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		157 334 226 012	305 856 506 158
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	128 949 280 253	279 504 763 538
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03A	30 799 771 388	27 411 843 483
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			60 000 000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	872 104 336	2 166 829 102
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(3 286 929 965)	(3 286 929 965)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140		30 260 310 595	23 128 518 637
1. Hàng tồn kho	141	V.04	35 783 640 061	28 651 848 103
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(5 523 329 466)	(5 523 329 466)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2 199 465 234	35 858 498
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1 595 561 857	34 308 498
2.Thuế GTGT được khấu trừ	152		485 019 920	1 550 000
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		118 883 457	
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
B-Tài sản dài hạn (200=210+220+240+250+260)	*200*		*23 127 532 530*	*24 018 578 892*
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		40 000 000	35 000 000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216		40 000 000	35 000 000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		22 535 796 248	23 334 313 250
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	22 211 885 644	22 984 384 192
- Nguyên giá	222		32 101 927 862	32 101 927 862
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	223		(9 890 042 218)	(9 117 543 670)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.06		
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.06	323 910 604	349 929 058
- Nguyên giá	228		668 135 000	668 135 000
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	229		(344 224 396)	(318 205 942)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.07		
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240			
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242			

V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		100 000 000	100 000 000
1. Đầu tư tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252			
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		100 000 000	100 000 000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		451 736 282	549 265 642
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		384 666 282	482 195 642
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		67 070 000	67 070 000
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
5. Lợi thế thương mại	269			
Tổng cộng tài sản (270=100+200)	**270**		**233 464 121 577**	**360 270 533 515**
A-Nợ phải trả (300=310+330)	***300***		***69 916 811 440***	***196 544 387 107***
I. Nợ ngắn hạn	310		67 104 456 611	193 512 196 063
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.08	37 058 676 590	54 552 750 976
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.08A	10 059 507 842	9 888 020 833
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	431 527 806	6 948 282 961
4. Phải trả người lao động	314			4 494 790 250
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11	227 693 064	3 640 929 344
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			31 500 000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	1 393 877 453	1 763 212 481
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.09	15 831 030 155	109 966 214 385
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		568 434 891	631 868 623
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1 533 708 810	1 594 626 210
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330		2 812 354 829	3 032 191 044
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7. Phải trả dài hạn khác	337			
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338			
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		2 812 354 829	3 032 191 044
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			
B-Vốn chủ sở hữu (400=410+430)	***400***		***163 547 310 137***	***163 726 146 408***
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	163 547 310 137	163 726 146 408
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		104 560 920 000	104 560 920 000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		104 560 920 000	104 560 920 000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		6 083 358 132	6 083 358 132
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(23 491 795 357)	(23 491 795 357)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418			
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		63 027 125 126	63 020 916 458
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		63 020 916 458	44 541 071 108
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6 208 668	18 479 845 350
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
13. Lợi ích của cổ đông thiểu số	429		13 367 702 236	13 552 747 175

II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
Tổng cộng nguồn vốn (440=300+400)	**440**		**233 464 121 577**	**360 270 533 515**

Ngày 18 tháng 07 năm 2025

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng giám đốc
KHƯU THANH SÁNG	MAI NGỌC PHƯỢNG	NGUYỄN HỮU DŨNG

CÔNG TY : CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TOÀN CẦU
Địa chỉ : Số 1 Sáng Tạo, P.Tân Thuận, TPHCM
Tel: .08.37701055 Fax: 08.37701056

DN - BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT - QUÝ

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý này năm nay	Quý này năm trước	Luỹ kế năm nay	Luỹ kế năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**VI.01**	**30,995,184,729**	**22,182,883,284**	**30,995,184,729**	**22 182 883 284**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	**02**		-	-	-	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	**10**		**30,995,184,729**	**22,182,883,284**	**30,995,184,729**	**22,182,883,284**
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	23,728,475,183	17,994,425,492	23,728,475,183	17 994 425 492
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	**20**		**7,266,709,546**	**4,188,457,792**	**7,266,709,546**	**4,188,457,792**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	206,093,253	881,607,992	206,093,253	881 607 992
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	1,341,704,771	115,668,683	1,341,704,771	115 668 683
- Trong đó: Lãi vay phải trả	23		954,593,282	14,561,644	954,593,282	14 561 644
8. Lợi nhuận (lỗ) trong công ty liên kết liên doanh	24				-	
9. Chi phí bán hàng	25		3,693,558,644	3,601,036,552	3,693,558,644	3 601 036 552
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		2,612,538,424	1,335,323,208	2,612,538,424	1 335 323 208
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	**30**		**(174,999,040)**	**18,037,341**	**(174,999,040)**	**18,037,341**
12. Thu nhập khác	31		166	736	166	736
13. Chi phí khác	32		3,641,397	3,238,417	3,641,397	3,238,417
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	**40**		**(3,641,231)**	**(3,237,681)**	**(3,641,231)**	**(3,237,681)**
15.Tổng lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	**50**		**(178,640,271)**	**14,799,660**	**(178,640,271)**	**14,799,660**
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-	-	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	**60**		**(178,640,271)**	**14,799,660**	**(178,640,271)**	**14,799,660**
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		6,208,668	492,620,468	6,208,668	492,620,468
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(184,848,939)	(477,820,808)	(184,848,939)	(477,820,808)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**		**1**	**53**	**1**	**53**
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	**71**		**1**	**53**	**1**	**53**

Ngày 18 tháng 07 năm 2025

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng giám đốc
KHƯU THANH SÁNG	MAI NGỌC PHƯỢNG	NGUYỄN HỮU DŨNG

Mẫu số : Q-03d

DN - BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT - PPGT

Chỉ tiêu	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (năm trước)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1 Lợi nhuận trước thuế	**01**	**(178 640 271)**	**14 799 660**
2 Điều chỉnh cho các khoản		**1 428 925 170**	**(514 071 971)**
- Khấu hao TSCĐ	02	798 517 002	707 754 691
- Các khoản dự phòng	03	(283 269 947)	(486 103 680)
- Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(20 329 701)
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(40 915 167)	(729 954 925)
- Chi phí lãi vay	06	954 593 282	14 561 644
- Các khoản điều chỉnh khác	07		
3 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi VLĐ	**08**	**1 250 284 899**	**(499 272 311)**
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	148 067 625 399	(46 415 063 587)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(7 131 791 958)	(252 340 733)
- Tăng giảm các khoản phải trả	11	(27 545 137 524)	(6 904 212 848)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(1 463 723 999)	(54 269 529)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(1 100 354 130)	(821 918)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả	15	(4 504 271 307)	(970 679 165)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(244 717 400)	(173 600 000)
4 Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	**107 327 913 980**	**(55 270 260 091)**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1 822 721 882)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(350 000 000)	(8 000 000 000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	60 000 000	36 100 000 000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	58 786 126	606 069 733
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**(231 213 874)**	**26 883 347 851**
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh ng	32		
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	43 813 714 163	3 850 000 000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(137 948 898 393)	(200 000 000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**	**(94 135 184 230)**	**3 650 000 000**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**50**	**12 961 515 876**	**(24 736 912 240)**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	**2 936 071 330**	**37 766 288 545**
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		20 329 701
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**	**15 897 587 206**	**13 049 706 006**

Ngày 18 tháng 07 năm 2025

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng giám đốc
KHƯU THANH SÁNG	MAI NGỌC PHƯỢNG	NGUYỄN HỮU DŨNG

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TOÀN CẦU	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: Q1.25/BC-TC	*TP.HCM, ngày 18 tháng 07 năm 2025*

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) quý 1/năm 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TOÀN CẦU

- Mã chứng khoán: GLT
- Địa chỉ: Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận, TP.HCM
- Điện thoại liên hệ/Tel: 028.3770.1055 Fax: 028.3770.1056
- Email:..... Website: www.toancau.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC quý 1/năm 2025

☐ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☒ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kề toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):

☐ Có ☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có ☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):

☐ Có ☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có ☐ Không

+ Lợi nhuận sau thế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

[x] Có [ ] Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

[x] Có [ ] Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

[ ] Có [x] Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

[ ] Có [ ] Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 18/07/2025 tại đường dẫn: https://toancau.vn/

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2025: **Không Có**

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau:

- Nội dung giao dịch:……
- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (*căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất*);…….
- Ngày hoàn thành giao dịch:……..

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:
- BCTC quý 1 năm 2025
- Văn bản giải trình

Đại diện tổ chức
Người đại diện theo pháp luật

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TOÀN CẦU

TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hữu Dũng